

So sánh vai trò và ảnh hưởng của Mỹ trong hợp tác khu vực ở Tây Âu và Đông Á

Phạm Văn Min*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 20 tháng 9 năm 2009

Tóm tắt. Việc đánh giá vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với tiến trình hợp tác khu vực vẫn còn ít nhận được sự quan tâm của các học giả và các nhà nghiên cứu. Bài viết có gắng tìm hiểu vấn đề này từ góc nhìn so sánh lịch sử bằng cách so sánh vai trò và ảnh hưởng của Mỹ trong tiến trình hợp tác khu vực ở Tây Âu và Đông Á. Bài viết chỉ ra rằng: a) Mỹ có vai trò và ảnh hưởng quan trọng đối với quá trình phát triển của hợp tác khu vực ở cả Tây Âu và Đông Á, trong đó lợi ích địa-chính trị luôn luôn là động cơ chính trong chính sách của Mỹ đối với hợp tác khu vực; b) Mỹ ủng hộ và giúp đỡ quá trình hợp tác khu vực ở Tây Âu trong khi cản trở quá trình này ở Đông Á; và c) các quốc gia trong khu vực luôn luôn giữ vai trò quyết định trong quá trình đẩy mạnh hợp tác khu vực. Việc tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề này sẽ phần nào đánh giá được tầm quan trọng và có thể đưa ra được những gợi mở cho việc tăng cường hoặc hạn chế vai trò, ảnh hưởng của Mỹ đối với hợp tác khu vực.

Những năm cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 đã chứng kiến hai sự thay đổi lớn trong hệ thống chính trị quốc tế: Thứ nhất, sự tan rã của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã phá vỡ hệ thống chính trị quốc tế hai cực vốn tồn tại từ sau Chiến tranh lạnh. Thứ hai, một xu hướng hợp tác quốc tế khu vực nổi lên được đánh dấu bởi sự hình thành và phát triển của một loạt các tổ chức khu vực. Có thể kể đến như sự mở rộng chưa từng có của Liên minh châu Âu (EU), sự hình thành khu vực tự do mậu dịch Bắc Mỹ (NAFTA), sự ra đời của liên minh Châu Phi (AU) trên cơ sở Tổ chức Châu Phi thống nhất và đặc biệt là sự nổi lên của hợp tác

khu vực Đông Á (ASEAN + 3, gồm 10 nước thành viên ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc). Trong cả hai thay đổi trên đều có vai trò và ảnh hưởng lớn của Mỹ. Vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với sự kết thúc của hệ thống quốc tế hai cực thời Chiến tranh lạnh đã được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với xu thế thứ hai, sự nổi lên của hợp tác khu vực, vẫn chưa thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của đông đảo các học giả. Bài viết này mong muốn góp phần nghiên cứu về vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với xu thế hợp tác khu vực. Cụ thể, bài viết sẽ xem xét vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với hợp tác khu vực dưới góc nhìn so sánh lịch sử. Quá trình hợp tác khu vực ở Tây Âu và ở Đông Á sẽ được sử dụng như các trường hợp

*ĐT: 84-4-38583798.
E-mail: minh@ussh.edu.vn

nguyên cứu để phục vụ cho việc phân tích vấn đề. Bài viết chỉ ra rằng: a) mặc dù Mỹ có vai trò và ảnh hưởng quan trọng trong hợp tác khu vực ở cả Tây Âu và Đông Á nhưng vai trò và ảnh hưởng đó thể hiện rất khác nhau ở từng khu vực, trong đó lợi ích địa-chính trị luôn là nhân tố chính trong chính sách và thái độ của Mỹ đối với hợp tác khu vực ở cả Tây Âu và Đông Á, b) Mỹ ủng hộ và giúp đỡ quá trình hợp tác khu vực ở Tây Âu trong khi cản trở quá trình này ở Đông Á và c) các quốc gia trong khu vực giữ vai trò quyết định trong tiến trình hợp tác khu vực. Việc tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề này sẽ phần nào đánh giá được tầm quan trọng và có thể đưa ra được những gợi mở cho việc tăng cường hoặc hạn chế vai trò, ảnh hưởng của Mỹ đối với hợp tác khu vực.

1. Vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với hợp tác khu vực ở Tây Âu

Với sự tàn phá của Chiến tranh thế giới lần thứ hai và đặc biệt là mâu thuẫn Pháp - Đức đã khiến cho những ý tưởng về một khu vực Tây Âu hợp tác phát triển lúc bấy giờ trở nên vô cùng xa vời và có lẽ không ai có thể tưởng tượng đến. Tuy nhiên, sự hợp nhất và quá trình thể chế hoá của EU hiện nay đã trở thành mẫu hình cho hợp tác khu vực ở nhiều nơi trên thế giới. Trong một loạt các nguyên nhân dẫn đến sự thành công của quá trình hợp tác khu vực ở Tây Âu thời kỳ đầu phải kể đến vai trò của Mỹ. Có thể nói, Mỹ là một trong những nhân tố quan trọng nhất giúp cho các quốc gia Tây Âu vượt qua được những khó khăn trong giai đoạn sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai và bắt đầu quá trình hợp tác khu vực thành công [1, tr.974].

Vai trò của Mỹ trong quá trình giúp tái thiết Tây Âu sau chiến tranh và thúc đẩy hợp tác khu vực đầu tiên được thể hiện qua Kế hoạch Marshall (The Marshall Plan). Theo đó, trong giai đoạn từ 1948 đến 1951 Mỹ đã viện trợ 13 tỉ

đô la nhằm giúp các nước Tây Âu khắc phục hậu quả chiến tranh và tái thiết nền kinh tế. Kế hoạch Marshall đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo dựng sự ổn định chính trị, xã hội và sự phát triển về kinh tế cho các quốc gia Tây Âu thập kỷ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Các điều kiện để được nhận trợ giúp của Mỹ đã giúp giảm bớt sự kiểm soát của chính phủ đối với thị trường, tăng cường mở cửa kinh tế đối với bên ngoài và cắt giảm chi tiêu của chính phủ các nước Tây Âu. Điều này đã gián tiếp tạo nên sự ổn định tài chính, hướng các nền kinh tế Tây Âu theo thị trường và tăng trưởng, đồng thời bước đầu thiết lập nên một sự phân công lao động liên quốc gia ở Tây Âu [2, tr.2]. Kế hoạch Marshall của Mỹ đã có tác động đến nhiều mặt của các nước Tây Âu như đầu tư, cơ sở hạ tầng và tài chính... Ví dụ, trong lĩnh vực đầu tư, các quốc gia nhận được nhiều viện trợ thì đầu tư nhiều hơn và góp phần làm tăng thêm tổng sản phẩm quốc nội những năm sau đó [2, tr.3]. Sau một thời gian triển khai Kế hoạch Marshall, hệ thống cơ sở hạ tầng của các nước này đã được khôi phục nhanh chóng bao gồm việc sửa chữa và đưa lại sử dụng hệ thống đường sắt, các bến cảng, hệ thống nước sinh hoạt, hệ thống điện. Một tác động tích cực khác nữa có thể kể đến ở đây là Kế hoạch Marshall đã giúp cho chính phủ các nước Tây Âu từng bước kiểm soát được lạm phát và dần ổn định kinh tế - tài chính. Với các khoản viện trợ từ Kế hoạch Marshall, các chính phủ không còn cảm thấy quá mạo hiểm mà còn quyết tâm hơn trong việc thực hiện các biện pháp nhằm ổn định tài chính.

Cũng trong thời gian cuối những năm 1940 và 1950, ngoài Kế hoạch Marshall Mỹ còn ủng hộ và tham gia thiết lập một loạt các thể chế đa phương nhằm thúc đẩy tự do thương mại. Mỹ thúc đẩy việc thành lập Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) - tiền thân của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Mỹ cũng đã viện trợ cho việc thành lập

Tổ chức hợp tác kinh tế Châu Âu (OECC) và sẵn sàng chi trả các chi phí khi cần thiết nhằm thúc đẩy các hợp tác khu vực [3]. Dưới góc độ quân sự, Mỹ đã tích cực tham gia vào việc thành lập Hiệp ước quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) và dưới góc độ chính trị, năm 1947 Mỹ đưa ra học thuyết Truman tuyên bố trợ giúp về kinh tế, quân sự cho các nước thuộc khối tư bản chủ nghĩa. Rõ ràng với kế hoạch Marshall và những nỗ lực của Mỹ, một loạt các tổ chức, thể chế đa phương đã ra đời. Những chiến lược đó đã có những tác động to lớn trong việc giúp tái thiết Tây Âu sau chiến tranh, mở cửa các nền kinh tế và đặc biệt là thúc đẩy quá trình hợp tác khu vực.

Từ một góc độ khác, việc trợ giúp tái thiết kinh tế Tây Âu là một phần nằm trong chiến lược kiểm chế, ngăn chặn Chủ nghĩa Cộng sản của Mỹ. Nhu cầu nội tại của các nước Tây Âu và chiến lược kiểm chế của Mỹ đã khiến nước Mỹ trở thành “đế quốc được mời gọi” [4, tr.263]. Thực tế, các nước Tây Âu đồng ý để Mỹ tham gia tích cực vào cả các vấn đề kinh tế và quân sự. Trong đó, Anh và Pháp là hai quốc gia tích cực nhất trong việc “mời gọi” Mỹ tham gia vào các vấn đề của khu vực [4]. Mỹ đã đáp lại lời mời của Tây Âu bằng một chiến lược toàn diện nhằm hướng Tây Âu theo mô hình và ý tưởng của mình. Chính chiến lược này đã giúp nước Mỹ biến những đối thủ cạnh tranh chủ yếu trong khối tư bản thành những người giống với mình hơn [5, tr.555]. Để nhận được các khoản viện trợ kinh tế và các trợ giúp khác, Mỹ cũng đặt ra những điều kiện nhất định đối với các nước nhận trợ giúp. Ví dụ, Mỹ bước chính phủ các nước nhận trợ giúp phải chi một khoản tương đương với khoản trợ giúp của Mỹ vào những mục đích mà Mỹ phê duyệt. Do đó, thực tế Mỹ có quyền kiểm soát một khoản tài chính gấp đôi so với con số mà Mỹ bỏ ra. Một ví dụ khác là năm 1948 Mỹ đã từ chối các khoản trợ giúp cho Pháp cho đến khi chính phủ

Pháp khẳng định việc nước này sẽ theo đuổi các chính sách nhằm cân bằng ngân sách [2, tr.9]. Những mục đích phía sau của các hỗ trợ về kinh tế, tài chính phân tích trên đây có thể thấy những toan tính địa chính trị (chứ không phải kinh tế) là động cơ chính của Mỹ trong việc thúc đẩy quá trình hợp tác khu vực ở Tây Âu.

Mặc dù Mỹ có vai trò và ảnh hưởng quan trọng như vậy nhưng chính các quốc gia Tây Âu mới là nhân tố quyết định đến sự thành công của hợp tác khu vực, điển hình là Pháp. Pháp đã đóng một vai trò chủ đạo trong việc thúc đẩy hợp tác khu vực ở Tây Âu. Nỗ lực đầu tiên của Pháp là sáng kiến của Ngoại trưởng Pháp Robert Schuman vào tháng 5 năm 1950 về việc thành lập Cộng đồng than thép Châu Âu (ECSC). ECSC được coi là bước khởi đầu cho quá trình phát triển của Liên minh Châu Âu (EU) [6, tr.425]. Cộng đồng than thép Châu Âu cũng được coi là nỗ lực nhằm hoà giải quan hệ Pháp - Đức, mối quan hệ quan trọng trong hợp tác khu vực Tây Âu. Vai trò của Pháp và Đức với tư cách là hai nước trong khu vực còn thể hiện ở chỗ cả Tổng thống Pháp Charles de Gaulle và Thủ tướng Đức Konrad Adenauer đều cho rằng hoà giải quan hệ Pháp - Đức là chìa khoá cho hợp tác khu vực ở Tây Âu [7, tr.77]. Sự tham gia của các quốc gia khác trong khu vực cùng với những nỗ lực có tính chất bước ngoặt của các nước Pháp và Đức đã từng bước đưa hợp tác khu vực ở Tây Âu đi đến thành công.

Trong trường hợp của Châu Âu, mặc dù các quốc gia trong khu vực đóng vai trò quyết định nhưng cũng không thể không nói đến vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với tiến trình hợp tác ở khu vực này. Tuy vậy, vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với hợp tác khu vực ở Tây Âu không hoàn toàn giống với vai trò và ảnh hưởng của nó đối với quá trình hợp tác khu vực ở Đông Á (ASEAN + 3).

2. Vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với hợp tác khu vực ở Đông Á

Hợp tác khu vực ở Đông Á phát triển chậm hơn rất nhiều so với ở Tây Âu. Mặc dù Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được ra đời từ năm 1967 nhưng một thể chế khu vực bao gồm các nước Đông Nam Á và Đông Bắc Á như ASEAN + 3 mới chỉ bắt đầu từ những năm 1990. Ngoài một loạt các lý do của chính bản thân khu vực thì nhân tố Mỹ là một trong những lý do chính khiến quá trình hợp tác khu vực Đông Á diễn ra một cách chậm chạp. Sự hiện diện của Mỹ ở Đông Á là kết quả của quá trình lịch sử và là một thực tế khách quan. Nước Mỹ có lợi ích và ảnh hưởng quan trọng đối với khu vực Đông Á [8, tr.109]. Tất cả các quốc gia trong khu vực Đông Á đều có những phụ thuộc nhất định đối với Mỹ về mặt an ninh, chiến lược hay việc Mỹ là một thị trường rộng lớn cho các quốc gia Đông Á. Tuy nhiên, vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với quá trình hợp tác khu vực ở Đông Á lại hoàn toàn khác với ở Tây Âu.

Trong giai đoạn Chiến tranh lạnh, Mỹ không chỉ tạo lập nên một mạng lưới các quan hệ song phương với các nước trong khu vực thay vì các quan hệ đa phương mà còn sử dụng sự chia rẽ trong chiến tranh lạnh như những công cụ khiến cho các hợp tác đa phương trong khu vực không thể diễn ra [1, tr.978]. Mỹ đã thiết lập quan hệ song phương và liên minh với Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippin, Đài Loan và Thái Lan. Mỹ sử dụng quan hệ song phương để kiểm chế và kiểm soát các quốc gia này trong việc tham gia vào các hoạt động hợp tác có tính chất khu vực. Chính mối quan hệ song phương và đồng minh với Mỹ đã khiến một số quốc gia trong khu vực tỏ thái độ không nhiệt tình với những đề xuất về hợp tác khu vực. Ngoài ra, Mỹ cũng áp dụng một dạng chính sách kiểm chế đối với Trung Quốc giống như đã áp dụng với Liên Xô ở Châu Âu [9, 164]. Mỹ hiểu rõ rằng do vị trí và vai trò của Trung Quốc nên tất

cả các tổ chức hợp tác khu vực Đông Á mà không có sự tham gia của Trung Quốc sẽ trở nên vô nghĩa. Bằng việc kiểm chế Trung Quốc và quan hệ liên minh với Nhật Bản, Mỹ đã thành công trong việc cản trở hai nước này trở thành quốc gia lãnh đạo trong khu vực vì Mỹ lo ngại các nước này sẽ thúc đẩy hợp tác khu vực nếu có được vai trò lãnh đạo trong khu vực.

Kể từ khi Chiến tranh lạnh chấm dứt, Mỹ vẫn tiếp tục giữ một vai trò quan trọng ở Đông Á. Thậm chí có ý kiến còn cho rằng Mỹ có một vai trò *quan trọng hơn* đối với tất cả các nước trong khu vực Đông Á [10, tr.146]. Tuy nhiên, Mỹ phản đối tất cả những ý tưởng và nỗ lực của các quốc gia Đông Á nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực. Đầu tiên, Mỹ phản đối sáng kiến của Thủ tướng Malaysia Mahamad Mahahir về việc thành lập Nhóm kinh tế Đông Á (EABEG), ý tưởng được sự ủng hộ của nhiều nước trong khu vực. Mỹ lo ngại EABEG sẽ làm giảm vai trò của Mỹ và APEC trong khu vực [12, tr.59]. Mặc dù các nước Đông Á đã có sự điều chỉnh và nỗ lực nhằm duy trì EABEG nhưng cuối cùng nó vẫn được coi là một sáng kiến bị chệch yếu do sự phản đối của Mỹ. Thứ hai, Mỹ phản đối đề xuất của Nhật Bản về việc thành lập Quỹ tiền tệ Châu Á (AMF) nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997. Mỹ lo ngại AMF sẽ làm giảm đi ảnh hưởng của Mỹ và của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) hay các thể chế tài chính quốc tế khác mà Mỹ có vai trò quan trọng [13, tr.108]. Thứ ba, Mỹ phản đối việc xúc tiến hợp tác ASEAN + 3 ngay từ khi thể chế này bắt đầu khởi động. Trong con mắt của Mỹ, ASEAN + 3 không chỉ làm ảnh hưởng hoặc đe dọa hệ thống quan hệ song phương của Mỹ với các nước trong khu vực mà còn tạo điều kiện cho việc hình thành một liên minh chống Mỹ cả về kinh tế, chính trị và là phương tiện để Trung Quốc gây ảnh hưởng ở khu vực Đông Á. Mỹ sử dụng mối quan hệ song phương với nhiều nước để gây sức ép khiến các nước này có thái độ chân chủ trong các ý tưởng, đề xuất thúc đẩy

hợp tác khu vực. Vì lợi ích của mình Mỹ đã duy trì một chính sách và thái độ nhằm kìm hãm sự phát triển của hợp tác khu vực ở Đông Á. Có thể nói, những toan tính về địa-chính trị vẫn là những động cơ chính để Mỹ cản trở quá trình hợp tác khu vực ở Đông Á.

So với Tây Âu, quá trình phát triển của hợp tác khu vực ở Đông Á diễn ra trong một hoàn cảnh lịch sử hoàn toàn khác và cuộc khủng hoảng tài chính mà Đông Á phải gánh chịu cũng khác so với khủng hoảng trong những năm cuối 1940 của Tây Âu. Chính sách của Mỹ với các nước Tây Âu cũng khác so với chính sách của Mỹ đối với các nước trong khu vực Đông Á như Nhật Bản và Hàn Quốc. Tuy nhiên, hợp tác khu vực ở Đông Á vẫn phát triển và đạt được những kết quả đáng kể [12]. Đã có nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng chính sự phân đôi và gây khó khăn của Mỹ đã thúc đẩy quá trình phát triển của hợp tác khu vực ở Đông Á, đặc biệt là sau cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 [14]. Điều này cũng chỉ ra vai trò quyết định của chính các quốc gia trong khu vực đối với tiến trình hợp tác khu vực. Ngay trong thời kỳ chiến tranh lạnh, các quốc gia Đông Á đã có những sáng kiến và nỗ lực nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực hay hợp tác đa phương như "Hợp tác kinh tế Thái Bình Dương", "Hội đồng Châu Á và Thái Bình Dương", "Khu vực hợp tác Châu Á – Thái Bình Dương" và "Thị trường chung Châu Á" [12, tr.47-49]. Giai đoạn sau chiến tranh lạnh, những nỗ lực nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực của các quốc gia Đông Á trở nên mạnh mẽ hơn. Các sáng kiến và đề xuất bắt đầu mang tính thực tế nhiều hơn, các quốc gia cũng nỗ lực nhiều hơn để hiện thực hoá các sáng kiến và ý tưởng đó. Những nỗ lực này có thể kể đến như đề xuất và thành lập Nhóm kinh tế Đông Á (EAEG) của Malaysia, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), các diễn đàn đối thoại giữa ASEAN với các nước Đông Bắc Á, nhóm nghiên cứu Đông Á

(EASG), nhóm tâm nhìn Đông Á (EAVG), Quỹ tiền tệ Châu Á (AMF) và đặc biệt là ASEAN + 3. Mặc dù có những đề xuất, kế hoạch bị thất bại như Nhóm kinh tế Đông Á hay Quỹ tiền tệ Châu Á nhưng nỗ lực của các quốc gia Đông Á đã thành công trong việc thúc đẩy hợp tác khu vực thể hiện bằng sự ra đời và phát triển của ASEAN + 3. Như vậy, Đông Á không có được những thuận lợi so với Tây Âu nhưng sự phát triển của hợp tác khu vực Đông Á đã minh chứng cho vai trò và tầm quan trọng quyết định của chính các quốc gia trong khu vực đối với tiến trình hợp tác khu vực.

Những phân tích so sánh trên đây đã chỉ ra một số điểm tương đồng và khác biệt trong vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đối với tiến trình hợp tác khu vực ở Tây Âu và Đông Á. Thứ nhất, ở cả Tây Âu và Đông Á, Mỹ đều có một vai trò và ảnh hưởng quan trọng đối với tiến trình hợp tác khu vực. Tuy nhiên, mức độ và tính chất trong vai trò và ảnh hưởng của Mỹ ở hai khu vực này lại khác nhau. Các khoản viện trợ kinh tế, việc thiết lập các thể chế tài chính đa phương... của Mỹ đã thúc đẩy hợp tác khu vực ở Tây Âu trong khi Mỹ liên tiếp phản đối và gây cản trở đối với những nỗ lực thúc đẩy tiến trình hợp tác khu vực của các nước Đông Á. Thứ hai, lợi ích địa-chính trị thực sự là động cơ chính trong chính sách của Mỹ đối với tiến trình hợp tác khu vực ở cả hai khu vực nêu trên. Kiểm chế Liên Xô, biến các đối thủ cạnh tranh trong khối tư bản theo mô hình và ý tưởng của mình chính là mục đích sâu xa trong các nỗ lực giúp đỡ của Mỹ đối với Tây Âu. Còn ở Đông Á, mục đích của Mỹ là kiểm chế Trung Quốc, duy trì hệ thống các quan hệ song phương, quan hệ liên minh trong đó Mỹ luôn nắm quyền chủ động và có phần chủ đạo. Thứ ba, vai trò của các quốc gia trong khu vực có tính chất quyết định đến sự thành công trong tiến trình hợp tác khu vực. Ở Tây Âu, Pháp và Đức giữ vai trò quan trọng trong việc nỗ lực thúc đẩy các thể

chế hợp tác khu vực đa phương, trong khi ở Đông Á, các quốc gia trong khu vực không ngừng theo đuổi những ý tưởng và đề xuất nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực.

Tài liệu tham khảo

- [1] Mark Beeson, Rethinking Regionalism: Europe and East Asia in Comparative Historical Perspective, *Journal of European Public Policy*, Vol.12, No.6 (2005) 969.
- [2] Bradford De Long and Barry Eichengreen, The Marshall Plan as a Structural Adjustment Program (1991), Lấy từ <http://lsb.scu.edu>.
- [3] Charles Lipson, *Chủ nghĩa tự do mới và Chủ nghĩa hiện thực mới: Cuộc tranh luận đương đại*, NXB Thế Giới, Hà Nội, 2009.
- [4] Geir Lundestad, Empire by Invitation? The United States and Western Europe, 1945-1952, *Journal of Peace Research*, Vol.23, No.3, (1986) 263.
- [5] Westad O. A., The New International History of the Cold War: Three (possible) Paradigms, *Diplomatic History*, Vol. 24, No.4 (2000) 551.
- [6] Lovett A. W., The United States and the Schuman Plan: A Study in French Diplomacy 1950-1952. *The Historical Journal*, Vol. 39, No.2, (1996) 425.
- [7] Rudolf von Thadden, The French-German Partnership, *Transatlantic Internationale Politik*, Vol.2, (2003) 77.
- [8] Qiao Linsheng, *Xây dựng cộng đồng Đông Á và vai trò của Trung Quốc*, trong cuốn Hướng tới Cộng đồng Đông Á: Cơ hội và thách thức, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội, 2006.
- [9] Papayovanou P. A. and Kastner S. I., Sleeping with the (Potential) Enemy: Assessing the U.S Policy of Engagement with China, *Security Studies*, Vol.9, No.1 (1999) 157.
- [10] Gilson J., Strategic Regionalism in East Asia, *Review of International Studies*, Vol.33, (2007) 145.
- [11] Kim, S. S., Regionalization and Regionalism in East Asia, *Journal of East Asia Studies*, Vol.4, (2004) 39.
- [12] Hoàng Khắc Nam, *Hợp tác đa phương ASEAN + 3: Vấn đề và triển vọng*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, 2008.
- [13] Yip, W. K., Prospects for Closer Economic Integration in East Asia, *Stanford Journal of East Asian Affairs*, 1 (Spring 2001) 106.
- [14] Richard Higgott, The Asian Economic Crisis: A Study in the Politics of Resentment, *New Political Economy*, Vol.3, No.3 (1998) 333.

U.S role and influence on Western European and East Asian regional cooperation from historical comparative perspective

Pham Quang Min

*College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

The US. role and influence on regional cooperation process has attracted little attention from academic community. This paper is an effort to look at this issue from historical perspective by comparing US. role and influence on regional cooperation in Western Europe and East Asia. The paper shows that a) US. played an important role on regional cooperation in both cases and geo-politics imperatives were always the key in U.S motivations towards Western European and East Asian regional cooperation; b) the U.S. was supportive to Western European cooperation while it was in contrast to East Asian cooperation and c) regional countries always play a decisive role in their regional cooperation. A study on US. role and influence on regional cooperation is expected to evaluate and provide implications on promoting or limiting U.S role and influence on regional cooperation.